

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1439/TTPTQĐ.CNLT-BT.N3

Long Thành, ngày 17 tháng 8 năm 2026

Về việc niêm yết công khai Phương án bồi thường dự kiến thuộc dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường DT.769 tại huyện Thống Nhất và huyện Long Thành đoạn qua phường Long Thành (đợt 6).

Kính gửi: UBND phường Long Thành.

Căn cứ điểm 1, khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Ngày 17/8/2026, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân để thực hiện dự án dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường 769 tại huyện Thống Nhất và huyện Long Thành đoạn qua phường Long Thành (đợt 6).

(Đính kèm Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ).

Nay Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành đề nghị UBND phường Long Thành niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND phường Long Thành, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND phường

Long Thành trong thời hạn 10 ngày theo quy định tại điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Chính phủ.

Đề nghị UBND phường Long Thành quan tâm, sớm hỗ trợ thực hiện nội dung trên theo quy định./. 

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Phòng KT, HT&ĐT phường Long Thành;
- Ban Giám đốc TTPTQĐ.CNLT;
- Tổ Bồi thường (đ/c Nhật, Sơn, Triều);
- Nhóm 03 (đ/c Thế Anh, Uyên);
- Lưu: VT (Nga).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Mai Ngọc Thắng

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHÍNH HÀNH LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PA-TTPTQĐ.CNLT-BT.N3

Long Thành, ngày 17 tháng 8 năm 2026

PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN

Về bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân, tổ chức để thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường 769 tại huyện Thống Nhất và huyện Long Thành đoạn qua phường Long Thành (đợt 6)

I. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật đất đai 2024 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn Nghị quyết 254/2025/QH15 tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 5366/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/2/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai Quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 2/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2026/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 5356/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp mở rộng đường ĐT.769, huyện Thống Nhất và Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769, huyện Thống Nhất và huyện Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai về việc giao nhiệm vụ, triển khai dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án giải phóng mặt bằng mở rộng ĐT.769;

Căn cứ Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 28/01/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769, huyện Thống Nhất và huyện Long Thành đoạn qua xã Long Thành;

Căn cứ các Thông báo thu hồi đất ngày 14/3/2026 của UBND xã Long Thành về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769 tại huyện Thống Nhất và huyện Long Thành đoạn qua phường Long Thành;

Căn cứ vào danh sách xác định vị trí các thửa đất số 40, 41/VPĐK.LT-TTTLT ngày 28/02/2026; số 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53/VPĐK.LT-TTTLT ngày 05/3/2026 của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 1201/SNNMT-ĐĐ ngày 20/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 2023/SNNMT-ĐĐ ngày 29/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc xác định giá đất nông nghiệp theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND và Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND;

Căn cứ Khoản 4, Điều 3, Nghị định số 88/2024/NĐCP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó “Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó”. Căn cứ nội dung trên Ủy ban nhân dân phường Long Thành chịu trách nhiệm các nội dung xác nhận tại các mẫu số 2,3,4 kèm theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ theo Khoản 3, Điều 87, Luật đất đai năm 2024. Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.769 tại huyện Thống Nhất và huyện Long Thành đoạn qua phường Long Thành về việc tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cụ thể như sau:

II/. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường đất:

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 1201/SNNMT-ĐĐ ngày 20/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 2023/SNNMT-ĐĐ ngày 29/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc xác định giá đất nông nghiệp theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND và Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND;

Loại đất, vị trí đất để bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ vào nội dung xác nhận của UBND phường Long Thành về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất diện tích loại đất; thông tin về đất, vị trí thửa đất, phiếu cung cấp thông tin, danh sách các thửa đất được xác định vị trí của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành (*UBND phường Long Thành chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận về nguồn gốc đất theo quy định*);

2. Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác:

Căn cứ nội dung xác nhận của UBND phường Long Thành về nguồn gốc thời điểm xây dựng Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác. UBND phường Long Thành chịu trách nhiệm về thời điểm xây dựng đối với nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác.

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

3. Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Số tiền bồi thường thiệt hại về cây trồng được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm nhân với đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ

lục kèm theo các Quyết định này.

Đối với cây lâm nghiệp, cây hàng năm và những trường hợp cây lâu năm đơn lẻ thì Trung tâm thực hiện áp giá bồi thường, hỗ trợ. Đối với trường hợp cây lâu năm chưa có Biên bản họp thống nhất về năm tuổi, năm thu hoạch của Hội đồng bồi thường phường Long Thành, Trung tâm tạm thời chưa áp giá. Sau khi Hội đồng bồi thường xã thống nhất về năm tuổi, năm thu hoạch, Trung tâm sẽ thực hiện áp giá bổ sung.

4. Thường di dời:

Thường đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định: Căn cứ Điều 15, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5. Các chính sách hỗ trợ:

Đối với 202 trường hợp tại phương án này, UBND phường Long Thành xác nhận hộ gia đình, cá nhân không đủ điều kiện được hỗ trợ theo các nội dung tại Mẫu số 04. Do đó, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành không tính toán các chính sách hỗ trợ theo quy định.

6. Nghĩa vụ tài chính:

Thực hiện trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành chuyển danh sách đến Thuế cơ sở 5 Đồng Nai xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

III. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

- Tổng số trường hợp thu hồi: **61 trường hợp/9.805,2 m²** (trong đó có 03 trường hợp bổ sung), cụ thể:

+ Đất do công do UBND phường quản lý và Trường Tiểu học Lộc An: **606,6 m²**.

+ Đất nông nghiệp: **8.352,0 m²**.

+ Đất ở: **846,6 m²**.

- **Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: 35.503.433.019 đồng.**

Trong đó:

- Bồi thường đất: 12.733.442.330 đồng.

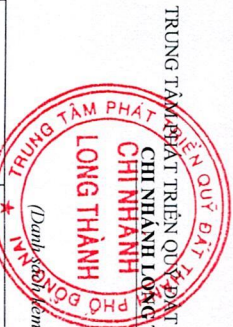
- Bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc: 21.043.793.892 đồng.

- Bồi thường cây trồng: 65.597.613 đồng.

- Thuởng di dòi: 460.000.000 đồng.
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường (3,5%): 1.222.599.184 đồng.

(Đính kèm bảng tổng hợp)

Trên đây là phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ thuộc dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.769 tại huyện Thống Nhất và huyện Long Thành đoạn qua phường Long Thành (đợt 6).



TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỌNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (ĐỢT 6)

Thuộc dự án: Nâng cấp mở rộng tuyến đường 769 đoạn qua phường Long Thành

(Đơn vị: Nghìn đồng theo Phương án số/P.4-TTPT/UBND/CNL-ĐT.N3 ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m ²)							Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi đôi	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
			Phi nông nghiệp			Nông nghiệp													
			Tổng	Tổng	Đất ở tại đô thị	Đất thương mại dịch vụ	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm										
I. CÁC TRƯỜNG HỢP CÓ ĐẤT, TÀI SẢN THU HỒI:																			
1	Đất do UBND phường Long Thành quản lý	đường Lê Hồng Phong, khu phố Phước Hải, phường Long Thành	531,4						531,4									-	
2	Trường Tiểu học Lộc An	tổ 8, khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	75,2						75,2									-	
3	Nguyễn Thị Mai Anh	tổ 8, khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	255,2	255,2	255,2			-		2.779.128.000	233.850.900	11.385.047				20.000.000	3.044.363.947		
4	Lê Việt Lâm (đứng giấy CNQSD đất chết) - Phan Thị Gái, Lê Thủy Duyên, Lê Thủy Kim Uyên, Lê Thủy Phước, Lê Thủy Loan, Lê Thùy Yến, Lê Thủy Nghĩa (đồng thừa kế)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai; 34/2K Hưng Lân, xã Bà Diêm, thành phố Hồ Chí Minh; tổ 25 khu phố 3A, phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai	150,9	-				150,9	150,9	159.727.650	157.978.260					16.000.000	333.705.910		
5	Lưu Văn Lễ (đứng giấy chết) - Đỗ Thị Thu (đứng giấy - sử dụng) - chưa xác định người thừa kế hợp pháp	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	110,9	-				110,9	110,9	117.387.650	187.260.925					16.000.000	320.648.575		
6	Huyền Văn Chương	9,03 Tháp Xi chung cư Sunrise City North, phường Tân Hưng, thành phố Hồ Chí Minh	142,8	-				142,8	142,8	146.496.400						12.000.000	158.496.400		

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)							Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng đi dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Phi nông nghiệp			Nông nghiệp												
			Tổng	Đất ở tại đô thị	Đất thương mại dịch vụ	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm										
7	Trần Văn Thông (tài sản xây dựng trên đất ông Huỳnh Văn Chương - thửa 168, tờ 100)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	18.320.140	18.320.140					18.320.140	
8	Trần Thị Cách	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	321,7	-	-	-	321,7	321,7	321,7		48.244.000	6.715.331				16.000.000	411.478.781	
9	Ngô Trần Hoàng Nam (tài sản xây dựng trên đất bà Trần Thị Cách - thửa 58, tờ 103)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-		259.033.368						259.033.368	
10	Đoàn Minh Nghĩa	số 03 đường 15, phường Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	190,7	-	-	-	190,7	190,7	190,7		193.705.500	34.492.008	842000			16.000.000	245.039.508	
11	Trương Văn Đồ	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	281,2	-	-	-	281,2	281,2	281,2	281,2	1.239.130.350					20.000.000	1.556.780.550	
12	Nguyễn Thị Kiều Tiên	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	130,3	-	-	-	130,3	130,3	130,3		137.922.550	325.837.400				16.000.000	479.759.950	
13	Nguyễn Tấn Tài	Khu phố Phước Hải, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	294,2	-	-	-	294,2	294,2	294,2		93.423.210		349.400			20.000.000	113.772.610	
14	Võ Ngọc Sơn	198/14 Lạc Long Quân, phường Tân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	100,3	-	-	-	100,3	100,3	100,3		106.167.550	314.323.200				16.000.000	436.490.750	
15	Nguyễn Văn Chiêu	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	212,5	-	-	-	212,5	212,5	212,5		224.931.250	391.657.860				20.000.000	636.589.110	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m ²)										Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi dúi	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Phi nông nghiệp				Nông nghiệp														
			Tổng	Tổng	Đất ở tại đô thị	Đất thương mại dịch vụ	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm												
16	Phạm Đức Trí	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	230,7		-			230,7	230,7				244.195.950	776.793.080						1.020.989.030	
17	Nguyễn Thị Năm (đùng giấy CNQSD đất chết) - Võ Văn Đức (thừa kế)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	87,6		-			87,6	87,6				92.724.600	8.272.272					12.000.000	112.996.872	
18	Nguyễn Văn Toàn và Vũ Thị Mến	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	694,1		-			694,1	694,1				734.704.850	315.878.696	14.901.602			20.000.000	1.085.485.148		
19	Nguyễn Xuân Lưu (tài sản xây dựng trên đất Nguyễn Văn Toàn và Vũ Thị Mến - thừa 135, từ 105)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-		-			-						34.107.720	416.200				34.523.920		
20	Nguyễn Văn Quý (tài sản xây dựng trên đất Nguyễn Văn Toàn và Vũ Thị Mến - thừa 135, từ 105)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-		-			-						16.926.416	1.859.550				18.785.966		
21	Nguyễn Đình Phú (tài sản xây dựng trên đất Nguyễn Văn Toàn và Vũ Thị Mến - thừa 135, từ 105)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-		-			-						720.490.180					720.490.180		
22	Nguyễn Văn Phong (tài sản xây dựng trên đất Nguyễn Văn Toàn và Vũ Thị Mến - thừa 135, từ 105)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-		-			-						232.723.248	507.268				233.230.516		
23	Phan Thị Trừ (đùng giấy CNQSD đất - chết) - chưa xác định người thừa kế hợp pháp	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	767,8	300,0	300,0			467,8	467,8					4.088.866.300	11.153.251			20.000.000	4.120.019.551		
24	Phan Thị Kim Loan (tài sản xây dựng trên đất Phan Thị Trừ - thừa 46, từ 100)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-	-			-						290.897.386					290.897.386		

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m ²)						Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi dôi	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Phi nông nghiệp			Nông nghiệp										
			Tổng	Đất ở tại đô thị	Đất thương mại dịch vụ	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm								
25	Phan Hữu Dục (tài sản xây dựng trên đất Phan Thị Trừ - thửa 46, tờ 100)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-		-				221.101.960					221.101.960	
26	Phan Thị Út (tài sản xây dựng trên đất Phan Thị Trừ - thửa 46, tờ 100)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-		-				262.243.560					262.243.560	
27	Phan Hữu Cho (tài sản xây dựng trên đất Phan Thị Trừ - thửa 46, tờ 100)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-		-				299.481.823					299.481.823	
28	Bùi Văn Dâu (đứng giấy CNQSD đất - chết) - chưa xác định người thừa kế hợp pháp	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	624,9	-			624,9	624,9		661.456.650				20.000.000	681.456.650	
29	Bùi Thị Huỳnh Trinh (tài sản xây dựng trên đất Bùi Văn Dâu chết - chưa xác định người thừa kế - thửa 85, tờ 98)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-		-				531.132.008					531.132.008	
30	Đặng Thanh Liêm (tài sản xây dựng trên đất Bùi Văn Dâu chết - chưa xác định người thừa kế - thửa 85, tờ 98)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-		-				176.297.104					176.297.104	
31	Nguyễn Quang Trường (tài sản xây dựng trên đất Bùi Văn Dâu chết - chưa xác định người thừa kế - thửa 85, tờ 98)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-		-				208.022.200					208.022.200	
32	Lý Văn Tốt (đứng giấy CNQSD đất - chết) - chưa xác định người thừa kế hợp pháp	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	1.272,6	-			1.272,6	1.272,6		1.347.047.100	5.283.100			20.000.000	1.773.129.336	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m ²)										Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thuởng đi dôi	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Phi nông nghiệp			Nông nghiệp															
			Tổng	Đất ở tại đô thị		Đất thương mại dịch vụ	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm												
				Tổng	Đất ở tại đô thị																
	Trần Thị Lương (tài sản xây dựng trên đất Lý Văn Tốt đứng giấy CNQSD đất - chết - chưa xác định người thừa kế hợp pháp - thừa 173, tờ 105)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	692.268.693	5.284.137					697.552.830			
34	Lý Minh Sơn (tài sản xây dựng trên đất Lý Văn Tốt đứng giấy CNQSD đất - chết - chưa xác định người thừa kế hợp pháp - thừa 173, tờ 105)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	661.976.465							661.976.465		
35	Nguyễn Minh Quang	212B/D41B Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh, thành phố Hồ Chí Minh	150,8	2,4	2,4		148,4	148,4				181.910.600						12.000.000	193.910.600		
36	Trần Ngọc Quế Anh	tổ 7, khu phố Văn Hải, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	75,9	1,1	1,1		74,8	74,8				90.555.850	463.431.076					20.000.000	573.986.926		
37	Nguyễn Văn Sơn và Nguyễn Thị Hương	thô Hà Thanh, xã Thạch Lạc, tỉnh Hà Tĩnh, số nhà 26/4/11 đường Phạm Ngũ Lão (sơn Dương), khu phố Thảng Lợi 2, phường Dĩ An, thành phố Hồ Chí Minh	775,5	53,5	53,5		722,0	722,0				1.405.113.500	12.502.100					20.000.000	1.437.615.600		
38	Huỳnh Thị Tân (đứng giấy CNQSD đất - chết) - Nguyễn Văn Bé (sử dụng)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	98,3	98,3	98,3		-					1.070.487.000	92.131.270						1.162.618.270		
39	Huỳnh Văn Phương và Trương Kim Dung	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	102,7	-	-		102,7	102,7				108.707.950	308.767.152	116.000				16.000.000	433.591.102		

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)							Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Phi nông nghiệp			Nông nghiệp										
			Tổng	Đất ở tại đô thị	Đất thương mại dịch vụ	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm								
40	Huỳnh Thị Gái và Võ Ngọc Cường	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	62,9	-		62,9	62,9			66.579.650	266.359.910			16.000.000	348.939.560	
41	Đỗ Thị Cúc (vợ chú)	40/7 Xuân Thủy, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	63,0	-		63,0	63,0			66.685.500	767.582				67.453.082	
42	Phạm Xuân Hồng và Phạm Thị Hồng	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	151,0	-		151,0	151,0			159.833.500	658.585.050			20.000.000	838.418.550	
43	Đinh Thị Nhung (được tặng cho quyền sử dụng đất - đã thu hồi Giấy CNQSD đất) - Đinh Sơn Minh Trục (sử dụng) - tranh chấp	304/20 khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Hồ Chí Minh	646,1	-		646,1	646,1			683.896.850					683.896.850	
44	Đinh Sơn Minh Trục (tài sản xây dựng trên đất được tặng cho quyền sử dụng đất - đã thu hồi Giấy CNQSD đất - Đinh Sơn Minh Trục sử dụng)	304/20 khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Hồ Chí Minh	-	-		-	-				342.455.075				342.455.075	
45	Hồ Trần Trang Long	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	174,8	-		174,8	174,8			185.025.800	504.264.448				689.290.248	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m ²)										Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Tổng	Phi nông nghiệp			Nông nghiệp														
				Tổng	Đất ở tại đô thị	Đất thương mại dịch vụ	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm												
	Nguyễn Chương (tài sản xây dựng trên đất ông (bà) Nguyễn Xuân Thê và Hoàng Thị Bích Liên và đất do UBND phường Long Thành quản lý)	thôn Kim Đồi, xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	-	-				-					327.788.600						327.788.600		
46	Nguyễn Văn Tùng (tài sản xây dựng trên đất ông Lê Huỳnh Anh Tuấn)	tổ 8, ấp 3, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	-	-				-					75.204.200						75.204.200		
47	Nguyễn Minh Nhật và Dương Thị Thủy Ngân (tài sản xây dựng trên đất bà Nguyễn Thị Nga)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-				-					314.209.920						314.209.920		
48	Dương Ngọc Minh (tài sản xây dựng trên đất của bà Trần Ngọc Phương)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-				-					145.177.290						145.177.290		
49	Lê Trần Ngọc Phương (tài sản xây dựng trên đất của bà Trần Ngọc Phương)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-				-					346.302.750						346.302.750		
50	Nguyễn Mai Ngọc Duyên, Nguyễn Mai Ngọc Bội, Nguyễn Mai Ngọc Vy (tài sản xây dựng trên đất ông Nguyễn Nhựt)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-				-					381.003.610						381.003.610		
51	Nguyễn Văn Nam (tài sản xây dựng trên đất ông Nguyễn Văn Ngọc)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-				-					222.757.070						222.757.070		

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m ²)							Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng đi dôi	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Phi nông nghiệp			Nông nghiệp											
			Tổng	Đất ở tại đô thị	Đất thương mại dịch vụ	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm									
53	Đinh Xuân Thảo (tài sản xây dựng trên đất Huyện Thanh Thuận)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	65.431.432						65.431.432	
54	Nguyễn Cảnh Chung (tài sản xây dựng trên đất Huyện Thanh Thuận)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	194.841.600						194.841.600	
55	Nguyễn Thụy Kim Phương (tài sản xây dựng trên đất bà Phạm Thị Kim Mão)	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	-	-	-	-	-	-	-	175.601.100						175.601.100	
56	Đào Thị Hiền	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	314,3	-	-	-	314,3	314,3		332.686.550	5.230.327				20.000.000	692.065.434	
57	Trần Anh Phú	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	98,9	30,0	30,0		68,9	68,9		399.630.650					20.000.000	915.149.715	
58	Trần Thị Hiếu	khu phố Lộc An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	69,8	-	-		69,8	69,8		73.883.300	1.554.400				20.000.000	1.072.176.920	
Tổng I:			9.259,0	740,5	740,5	-	7.911,9	7.630,7	281,2	606,6	12.502.185.260	65.597.613	-	-	444.000.000	32.864.177.608	
II. CÁC TRƯỞNG HỢP BỔ SUNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 76/QĐ-UBND NGÀY 13/5/2026 CỦA UBND PHƯỜNG LONG THÀNH:																	
59	Lư Thanh Việt	ấp Xóm Gò - Bà Kỳ, xã Long Phước, thành phố Đồng Nai	98,6	1,2	1,2		97,4	97,4		32.530.500					12.000.000	512.700.820	

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m ²)										Đất công	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi dôi	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Chi chú
			Phi nông nghiệp				Nông nghiệp														
			Tổng	Tổng	Đất ở tại đô thị	Đất thương mại dịch vụ	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm												
60	Lê Bá Thị Trinh	tổ 17, Khu phố Trà, phường Nhơn Trach, thành phố Đông Nai	142,7	2,5	2,5		140,2	140,2			47.169.450	43.540.800						4.000.000	94.710.250		
61	Lê Thị Thu Hà	334/28 Lê Trọng Tấn, phường Tây Thanh, thành phố Hồ Chí Minh	304,9	102,4	102,4		202,5	202,5			151.557.120	679.688.037							831.245.157		
	Tổng II:		546,2	106,1	106,1	-	440,1	440,1	-		231.257.070	1.191.399.157	-	-	-	-	-	16.000.000	1.438.656.227		
	TỔNG CỘNG:		9.805,2	846,6	846,6	-	8.352,0	8.070,8	281,2	606,6	12.733.442.330	21.043.793.892	65.597.613	-	-	-	-	460.000.000	34.302.833.835		
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:																					
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%, trong đó:																					
Tổng cộng (1+2):																					
Bảng chú: Ba mươi lăm tỷ, năm trăm linh ba triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, không trăm mười chín đồng.																			34.302.833.835		
																			1.200.599.184,23		
																			35.503.433.019		

